

Số: 528/2017/QĐST-HNGĐ

Quận 9, ngày 07 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà T

Địa chỉ: đường M, phường A, Quận X, TP. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông D

Địa chỉ: đường M, phường A, Quận X, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà T

Địa chỉ: đường M, phường A, Quận X, TP. Hồ Chí Minh

Ông D

Địa chỉ: đường M, phường A, Quận X, TP. Hồ Chí Minh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên T, sinh ngày 22/11/2002 và A, sinh ngày 27/12/2009. Hai bên thống nhất 02 con chung sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân: 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), mỗi bên nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng). Bà T tự nguyện nộp cho ông D và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008996 ngày 23/3/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà T số tiền còn lại là 150.000 đồng. Bà T, ông D đã nộp đủ án phí.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45 quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T cấp ngày 20 tháng 12 năm 2002 cho ông D và bà T không còn giá trị pháp lý.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Lê Long Toàn